

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày 22-8-2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường, bà Vương Thị Thu Hà;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 11/2024/TLPT-DS ngày 07/6/2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2024/QĐPT-DS ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B: Anh Vũ Văn K, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 15, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- **Bị đơn:**

+ Ông Đặng Quang T, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Ông Lê Xuân T1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Ông Bùi Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N – Cán bộ địa chính thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, vắng mặt; Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N: Ông Vũ Văn K, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 15, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, có mặt;

+ Chị Hà Thị H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, có mặt;

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1, ông Bùi Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2022, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 08/02/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N (người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà N là ông Vũ Văn K) trình bày:

Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn K và bà Đào Kim L theo hợp đồng chuyển nhượng số 427/SCC ngày 20/9/2014 tại Văn phòng công chứng Vị Xuyên, huyện V1, tỉnh Hà Giang chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) tại giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất số AH 967409 thửa đất số 40, tờ bản đồ số 40, diện tích đất 663,9 m² địa chỉ thửa đất tại tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H 02202 QSDĐ-126/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V1, tỉnh Hà Giang cấp ngày 16/8/2007. Khi mua đất, trên đất ông K có một ngôi nhà gỗ, lợp ngói Proximang, ông K là người trực tiếp chỉ ranh giới thửa đất cho ông B không có người chứng kiến. Việc mua bán QSDĐ theo hợp đồng xong ông B đã thực hiện biến động chủ sử dụng đất từ ông Vũ Văn K và bà Đào Kim L sang ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N và sử dụng ổn định từ đó. Năm 2019 ông B phá dỡ ngôi nhà cũ của ông K để xây kè móng nhà. Khi xây ông B cũng xây theo đúng phần tường nhà gỗ của ông K và có để chừa lại 0,5m đất dưới mái ngói theo mái ngói lợp cũ trước đây của ông K (*Phần đất chừa lại có chiều dài tính theo chiều dài giáp đường dân sinh*).

Ngày 18/9/2021 ông B phát hiện ông Đặng Quang T, Lê Xuân T1 và ông Bùi Văn H đã tự ý san gạt vào phần đất gia đình ông B để chừa lại, đổ xi măng làm lối đi chung mà không được gia đình ông B đồng ý, không được Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn V cấp phép cho thi công, gia đình ông B đã đến ngăn cản không cho san đất, tiếp tục làm đường nữa và báo UBND thị trấn V đến lập biên bản dừng thi công và đề nghị giải quyết việc ông T, ông T1, ông H tự ý lấn chiếm đất của ông B làm lối đi chung. Sau khi UBND thị trấn lập biên bản yêu

cầu dừng thi công đường dân sinh các hộ ông T, ông T1, ông H không chấp hành mà tiếp tục lén lút thi công Hn thiện toàn bộ con đường.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Đặng Quang T, Lê Xuân T1 và ông Bùi Văn H phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm để làm đường đi chung, phần diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số H 02202 QSDĐ-126/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V1, tỉnh Hà Giang cấp ngày 16/8/2007 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N.

Tại bản trình bày ngày 13/4/2023 và các đơn trình bày ý kiến khác của các bị đơn ông T, ông T1 và ông H đã nộp cho Tòa án trình bày: Nguồn gốc con đường đang có tranh chấp có từ năm 1980-1983 trước đây rộng 05m, mặt đường thấp hơn mặt bằng đất của ông B bình quân 50cm, năm 2016 gia đình ông B đã có kê móng đá làm ranh giới QSDĐ giữa đất nhà ông B và đường dân sinh từ khi ông B mua đất đến nay. Năm 2021, khi ông T, ông T1 và ông H làm đường theo chủ trương của UBND thị trấn V hỗ trợ vật liệu là xi măng đổ bê tông đường mới phát sinh tranh chấp với ông B nên các bị đơn không đồng ý việc ông B khởi kiện và đề nghị Tòa án tiến hành thu thập, kiểm tra hồ sơ cấp đất cho ông K, Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông K và ông B, tiến hành đo xác định lại ranh giới thửa đất của ông B và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, ông T1, ông H theo quy định.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2023 bị đơn ông Đặng Quang T khai và xác nhận: Con đường đang có tranh chấp có từ những năm 1970 đến năm 1995 là con đường đất người dân sử dụng đi làm nương, các hộ gia đình ông T, ông T1, ông H và những hộ dân có sử dụng lối đi này không có giấy chứng nhận QSDĐ về con đường, không biết diện tích chi tiết dài, rộng như thế nào, không được cơ quan tổ chức nào giao quản lý, vì đây là đường dân sinh, là lối đi chung do UBND thị trấn V quản lý có độ dài khoảng 100m, chiều rộng 05m nhưng hiện nay chỉ còn thực tế bình quân hơn 3m. Khi các hộ làm đường có xin phép UBND thị trấn V và được UBND thị trấn V cho xi măng để đổ đường bê tông rộng từ 3m trở lên, ông T yêu cầu Tòa án thu thập hồ sơ cấp đất cho ông K trước khi bán cho ông B.

UBND thị trấn V cung cấp thông tin và xác nhận: UBND thị trấn V quản lý con đường đang có tranh chấp theo quy định chung tại khoản 2, Điều 8 Luật Đất đai năm 2013, không có quyết định giao quản lý riêng, chi tiết về chiều dài, chiều rộng đối với đường dân sinh. Việc quyết định cấp vật liệu xi măng làm đường có chiều rộng 3m là chủ trương chung khi làm đường dân sinh từ 3m trở lên. Ông T, ông T1, ông H nhận vật liệu xi măng và tự tổ chức thi công theo hiện trạng sử dụng, UBND thị trấn V không cấp phép, không tham gia định vị đường hay xác định vị trí để các hộ thi công đường. UBND thị trấn V đã đình chỉ thi công đổ đường dân sinh khi các hộ có tranh chấp, tuy nhiên các hộ ông T, ông T1 và ông H tự ý thi công tiếp UBND thị trấn V không biết. Hiện biên bản tạm dừng thi công đã thất lạc do quá trình bàn giao luân chuyển cán bộ, UBND thị trấn V không còn lưu để cung cấp cho Tòa án. Việc nghiệm thu con đường đang có tranh chấp do Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện V1 thực hiện, UBND thị

trần V chỉ phối hợp nghiệm thu về số lượng, khối lượng để đối chiếu với số lượng vật liệu xi măng đã cấp.

Ngày 15/8/2023 Tòa án nhân dân huyện V1 mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về phía các bị đơn có mặt ông T, vắng mặt ông T1 và ông H, các đương sự không nhất trí được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại Bản án số 01/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Hà Giang quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 157, 158, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5, Điều 26, 166 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 158, 166 và Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

2. Buộc các bị đơn ông Đặng Quang T, sinh năm 1956; ông Lê Xuân T1, sinh năm 1972 và ông Bùi Văn H, sinh năm 1989; cùng nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang trả lại cho ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 cùng nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, diện tích đất đã lấn chiếm là 23,5m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 967409, thửa đất số 40 tờ bản đồ số 40, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02202/QSDD-126/QĐ-UB của UBND huyện V1 cấp lần đầu ngày 16/8/2007, địa chỉ thửa đất tại tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang.

(Diện tích 23,5m² được tính từ vị trí cách tìm đường Quốc lộ 2 vào 15m từ điểm T2, T3, T4, T5, T6, T7, T8, P2 khép về P1 kèm theo mảnh trích đo địa chính số 31-2023 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện V1, tỉnh Hà Giang lập ngày 19 tháng 07 năm 2023).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 21/5/2024, các bị đơn ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1, ông Bùi Văn H cùng có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giữ nguyên hiện trạng con đường đang tranh chấp hiện nay; làm rõ hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDD cho hộ ông Vũ Văn K của UBND huyện V1, làm rõ ranh giới và hồ sơ chuyển nhượng QSDD từ hộ ông K sang hộ ông B, điều chỉnh giấy chứng nhận QSDD của ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự; đề nghị xác định tư cách tham gia tố tụng của các bị đơn trong vụ án vì ông T, ông T1, ông H chỉ là các cá nhân sử dụng đường của nhà nước không lấn chiếm đất của ông B; đề nghị xem xét thẩm định lại thửa đất số 40.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị đơn ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1, ông Bùi Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn kháng cáo;

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, ông cho rằng sau khi tiến hành đo đạc thì thấy rằng diện tích đất theo đúng hiện trạng của con đường nằm ở bên kia con đường dân sinh, các bị đơn cố tình lấn sang diện tích đất của gia đình ông để đổ xi măng làm đường dân sinh nên ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Hà Giang; Các bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị đơn ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1, ông Bùi Văn H thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định và theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Bà Nguyễn Thị N (vợ ông B), bà N đã uỷ quyền tham gia tố tụng cho anh Vũ Văn K; Uỷ ban nhân dân thị trấn V, đại diện theo uỷ quyền ông Phạm Văn N - Cán bộ địa chính thị trấn (không có lý do); bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng tới việc xét xử phúc thẩm nên HĐXX quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B khởi kiện đối với các bị đơn ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1, ông Bùi Văn H vì đã lấn chiếm đất của gia đình ông làm đường đi chung. Quá trình giải quyết vụ án xác định gia đình ông T, ông T1, ông H là người trực tiếp sử dụng lối đi, cùng nhau đóng góp công sức, chi phí và cùng đề nghị UBND thị trấn V hỗ trợ xi măng để đổ con đường này, do đó cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng đối với ông T, ông T1, ông H là đồng bị đơn,

đồng thời xác định những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo yêu cầu giữ nguyên hiện trạng con đường đang tranh chấp hiện nay, xét thấy: Căn cứ quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm và Biên bản xác minh ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đối với UBND thị trấn V, huyện V1 (BL 566), xác nhận: Nguồn gốc con đường đang có tranh chấp đã có từ trước, được thể hiện trên bản đồ địa chính số 40 thị trấn V, quá trình sử dụng đất Nhà nước đo đạc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các hộ gia đình, trên bản đồ địa chính có thể hiện con đường giáp với thửa đất nhà ông B mua của ông K. Hệ thống cơ sở dữ liệu bản đồ giải thửa hiện đang lưu trữ tại UBND thị trấn V không có tờ bản đồ giải thửa tại vị trí này, con đường không có quy hoạch đường dân sinh; Diện tích đang tranh chấp 23,5m² giáp với đất của hộ ông B và nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông B. Các hộ dân sử dụng con đường này làm lối đi và đổ bê tông có sự hỗ trợ xi măng của Nhà nước, tuy nhiên Ủy ban nhân dân thị trấn V quản lý con đường đang có tranh chấp theo quy định của pháp luật, không quyết định giao quản lý riêng, không cấp phép, không đo đạc định vị để các hộ dân làm đường mà do các hộ dân tự đóng góp để làm. Ông T, ông T1, ông H nhận vật liệu xi măng và tự tổ chức thi công theo hiện trạng sử dụng. Khi các bị đơn làm đường thì giữa các bị đơn và ông B phát sinh tranh chấp, ông B đã đề nghị UBND thị trấn V giải quyết, UBND thị trấn đã đình chỉ thi công, nhưng sau đó các hộ ông T, ông T1 và ông H tự ý thi công tiếp UBND thị trấn V không biết.

[5] Tại Biên bản xác minh ngày 29/8/2023 (BL 344-345) với tổ trưởng tổ 12, thị trấn V, huyện V1 giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2012 xác định: Nguồn gốc con đường dân sinh đang có tranh chấp đã có từ lâu đời khi Nông trường Chè còn hoạt động có sử dụng để đi lại, sau đó Nông trường Chè giải thể các hộ công nhân tiếp tục sử dụng đi lại, ban đầu đường dân sinh này chỉ là con đường mòn rộng từ 01m đến 02m chiều dài từ đường Quốc lộ II đến bờ sông, khi đó có hộ ông Đặng Quang T và hộ ông Lê Cảnh Toàn sử dụng, sau đó hộ ông Toàn chuyên nhượng một phần QSDĐ cho hộ ông Bùi Quốc Việt (có con là Bùi Văn H hiện là một trong ba người đang có tranh chấp với ông B). Từ năm 2000 đến năm 2012, ông T có phát sinh tranh chấp với ông K, ông K nhất trí lùi vào một ít khi xây móng nhà và làm nhà. Việc ông T, ông K có tranh chấp và ông K nhất trí lùi vị trí làm nhà vào hơn so với giấy chứng nhận QSDĐ nhưng không lập thành biên bản.

[6] Tại Biên bản xác minh ngày 14/9/2023 (BL 361-365) ông Vũ Văn K cung cấp thông tin và xác nhận: Nguồn gốc đất của ông trước đây là đất cũ của Trạm Thú y thị trấn V không sử dụng nữa, năm 1993 vợ chồng ông đã làm thủ tục đăng ký xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ đất, đến ngày 16/8/2007 vợ chồng ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Vũ Văn K và bà Đào Kim L tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 967409 thửa đất số 40, tờ bản đồ số 40, diện tích đất 663,9 m² địa chỉ thửa đất tại tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang. Từ khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, ông và gia đình sử dụng ổn định cho đến khi chuyên nhượng lại QSDĐ cho ông B, bà N.

Con đường dân sinh bên cạnh nhà ông trước đây có chiều rộng khoảng 2m đến 2,5m. Ông K khẳng định theo giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình ông trước đây khi làm móng nhà ông có để lại một phần đất giáp đường dân sinh bên ngoài phần kê móng nhà của ông có chiều rộng đất còn lại khoảng 0,5m đến 0,8m được gia đình ông trồng cây cỏ Tóc Tiên.

[7] Như vậy đối với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn về việc yêu cầu giữ nguyên hiện trạng con đường đang tranh chấp hiện nay để các bị đơn được sử dụng, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào hợp pháp nên không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị làm rõ hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Vũ Văn K của UBND huyện V1, tỉnh Hà Giang, làm rõ ranh giới và hồ sơ chuyển nhượng QSDĐ từ hộ ông K sang hộ ông B, điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ của ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự, xét thấy:

[9] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của hộ ông B: Vợ chồng ông B nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Vũ Văn K và bà Đào Kim L. Trước khi chuyển nhượng cho ông B, ông K và bà L đã được UBND huyện V1, tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AH 967409 ngày 16/8/2007 đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 40, diện tích 663,9m², có địa chỉ tại tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang. Ngày 20/9/2014 ông K, bà L chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất trên cho ông B theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 427/SCC tại Văn phòng công chứng Vị Xuyên, huyện V1 (đã đăng ký biến động sang tên ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N ngày 15/6/2016), thời điểm đó trên đất vẫn còn nhà, bếp (*phần giọt ranh của bếp giáp với đường dân sinh*). Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông K và hồ sơ chuyển nhượng QSDĐ cho hộ ông B đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ và chuyển nhượng QSDĐ không phát sinh khiếu nại trong thời hạn luật định.

[10] Qua đối chiếu giữa giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn B và bản đồ địa chính số 40 tại thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang cũng như kết quả đo đạc, lồng ghép toạ độ bản đồ địa chính, ý kiến của UBND thị trấn V trong Biên bản hoà giải ngày 21/10/2021 xác định hiện trạng đường dân sinh có một phần diện tích nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn B. Thực tế hiện trạng sử dụng đất của ông B không vượt quá diện tích được cấp theo giấy chứng nhận QSDĐ.

[11] Từ những nhận định nêu trên có đủ căn cứ để khẳng định một phần đường dân sinh có diện tích diện tích 23,5m², giáp với phần đất ông B thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông B. Việc làm đường do cá nhân các hộ ông T, ông T1, ông H thực hiện, không được sự cho phép của chính quyền địa phương, không có sự tham gia của các hộ dân xung quanh, không được sự nhất trí của gia đình ông B. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải trả lại cho ông B, bà N diện tích đất tranh chấp 23,5m² là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị đơn về việc xem xét, làm rõ

ranh giới sử dụng đất hay điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn B.

[12] Đối với kháng cáo của các bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định về nguồn gốc, hiện trạng liên quan đến con đường dân sinh đang tranh chấp là chỉ xác minh từ một phía, không đảm bảo khách quan; đề nghị xem xét, thẩm định lại đối với thửa đất số 40 của hộ ông B, xét thấy:

[13] Căn cứ các văn bản trình bày ý kiến của hộ ông T, ông T1, ông H, các hộ gia đình đi qua lại con đường dân sinh đang có tranh chấp (BL 302-309), tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 15/8/2024 với sự có mặt của ông Đặng Quang T, ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn gốc diện tích đất tranh chấp từ phía nguyên đơn, các bị đơn, UBND thị trấn V, huyện V1 và các hộ dân xung quanh có sử dụng đi qua lại con đường dân sinh liền kề với đất tranh chấp của ông B để làm rõ nguồn gốc sử dụng đất, diện tích đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông B. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu các bị đơn có mặt để tiến hành tố tụng, tuy nhiên các bị đơn đều từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc cũng như tại phiên toà sơ thẩm, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn là hoàn toàn khách quan, đúng quy định của pháp luật.

[14] Đối với đề nghị của các bị đơn về việc xem xét thẩm định lại với thửa đất số 40 nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông B. HĐXX xét thấy: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2022 (BL 275), có mặt ông Lê Xuân T1 (đại diện cho các bị đơn). Sau buổi làm việc ông T1 không có ý kiến gì bổ sung mà nhất trí với nội dung buổi làm việc. Tòa án cũng đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các bị đơn nhưng ông T, ông H cũng không có ý kiến phản hồi; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2023 (BL 126) có mặt ông T, vắng mặt ông T1, ông H không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Sau buổi làm việc Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các đương sự nhưng các bị đơn không ai có ý kiến, khiếu nại gì. Như vậy kháng cáo của các bị đơn về việc yêu cầu xem thẩm định lại thửa đất số 40 nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn B là không có căn cứ chấp nhận.

[15] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu các bị đơn là ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1, ông Bùi Văn H trả lại diện tích đất 23,5m² đã lấn chiếm để làm đường dân sinh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[16] Tại phiên toà phúc thẩm, các bị đơn ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1, ông Bùi Văn H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho các yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng

cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Hà Giang.

[17] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

[18] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[19] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1, ông Bùi Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 148, 157, 158, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 5, Điều 26, 166 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 158, 166 và Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

2. Buộc các bị đơn ông Đặng Quang T, sinh năm 1956; ông Lê Xuân T1, sinh năm 1972 và ông Bùi Văn H, sinh năm 1989; cùng nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang trả lại cho ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 cùng nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang, diện tích đất đã lần chiếm là 23,5m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 967409, thửa đất số 40 tờ bản đồ số 40, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02202/QSĐĐ-126/QĐ-UB của UBND huyện V1 cấp lần đầu ngày 16/8/2007, địa chỉ thửa đất tại tổ 12, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang.

(Diện tích 23,5m² được tính từ vị trí cách tim đường Quốc lộ 2 vào 15m từ điểm T2, T3, T4, T5, T6, T7, T8, P2 khép về P1 kèm theo mảnh trích đo địa chính số 31-2023 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện V1, tỉnh Hà Giang lập ngày 19 tháng 07 năm 2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị đơn ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1 và ông Bùi Văn H mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Ông Nguyễn Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn B được trả lại 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số 0002373 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V1, tỉnh Hà Giang.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Đặng Quang T, ông Lê Xuân T1 và ông Bùi Văn H mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V1, tỉnh Hà Giang theo các biên lai số 0001167, 0001165 và 0001166 ngày 28/5/2024 (*Do ông Nguyễn Văn H nộp thay*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện V1;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện V1;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mỹ Lệ